



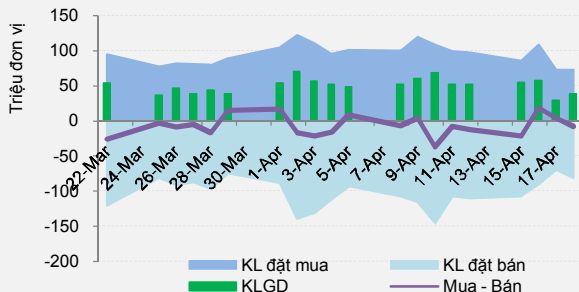
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 18/4/2013

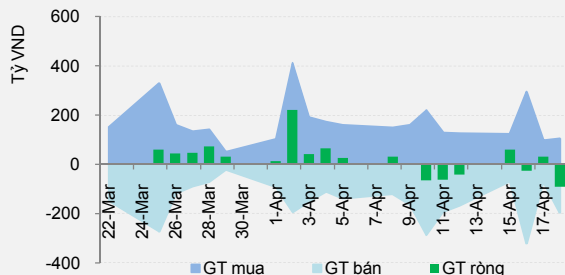
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	473.2	58.4
% Thay đổi	↓ -2.2%	↓ -1.0%
KLGD (CP)	38,515,650	30,430,211
GTGD (tỷ đồng)	681.80	214.58
Tổng cung (CP)	80,433,410	61,662,100
Tổng cầu (CP)	72,846,470	49,998,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	7,255,240	424,900
KL mua (CP)	4,257,330	940,600
GTmua (tỷ đồng)	104.83	18.01
GT bán (tỷ đồng)	194.75	3.93
GT ròng (tỷ đồng)	(89.92)	14.09

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -2.54%	7.2	1.4	1.1%
Công nghiệp	↓ -1.44%	17.8	0.9	12.9%
Dầu khí	↓ -2.99%	5.6	1.0	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.19%	8.1	1.4	1.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.73%	7.3	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -2.25%	12.7	5.2	14.3%
Ngân hàng	↓ -1.83%	5.5	1.4	11.6%
Nguyên vật liệu	↓ -2.16%	7.8	2.1	17.3%
Tài chính	↓ -2.08%	23.3	2.5	32.2%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -2.45%	9.9	3.3	5.5%
VN - Index	↓ -2.23%	13.2	3.0	76.6%
HNX - Index	↓ -1.00%	14.0	1.4	23.4%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau phiên hồi lại với lực cầu suy yếu ngày hôm qua thì thị trường đã quay đầu tiếp tục giảm điểm trong phiên hôm nay. Khối lượng giao dịch tăng lên cho thấy áp lực cung tăng khi thị trường giảm điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì khả năng thị trường sẽ tiếp tục giảm điểm. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

- VN-Index giảm điểm mạnh về mức 473.21 điểm, giảm 10.78 điểm điểm tương ứng với mức 2.23% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 35.22 triệu đơn vị, tăng 24.10% so với phiên trước.

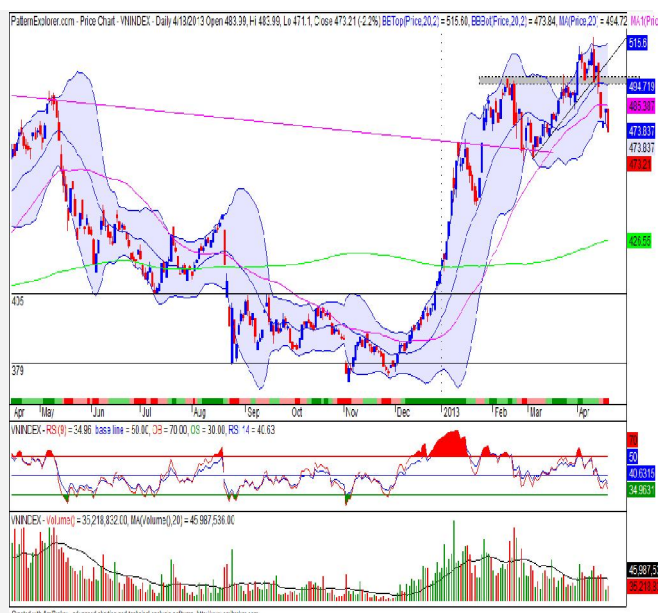
- HNX-Index giảm điểm nhẹ về mức 58.36 điểm, giảm 0.59 điểm tương ứng với mức 1% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 26.90 triệu đơn vị, tăng 47.54% so với phiên trước.

- Đa số nhóm cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm trong phiên hôm nay với mức giảm mạnh. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như GAS giảm 2.7%, MSN giảm 5.17%, BVH giảm 5.66%, VCB giảm 3.19%....

- Giá cơ sở mặt hàng xăng dầu tính bình quân 30 ngày, từ 16/3 - 16/4, đang thấp hơn giá bán lẻ 400 đồng/lít xăng và 300 đồng/lít dầu. Ngày 9/4, trước diễn biến giảm của giá xăng dầu Thế giới, Bộ Tài chính đã quyết định giảm 500 đồng/lít xăng. Với quy định thời gian giữa hai lần điều chỉnh tối thiểu 10 ngày theo Nghị định 84 về kinh doanh xăng dầu, giá xăng dầu có thể tiếp tục được điều chỉnh giảm vào ngày 19/4 tới.

- Tốc độ giảm lợi suất trái phiếu Chính phủ thời gian gần đây đã chậm lại so với diễn biến giảm mạnh trong Quý 1, khi lợi suất đã giảm xuống sát mốc CPI kỳ vọng trong năm 2013. Lợi suất của kỳ hạn 1 năm trên thị trường thứ cấp trong phiên giao dịch 16/4 đã giảm xuống 6.7 - 6.9%, thấp hơn đáng kể so với lãi suất huy động kỳ hạn dưới 12 tháng (7.5%). Nhu cầu mua trái phiếu trên thị trường sơ cấp cũng đang hạ nhiệt. Tuần 08-12/04, KBNN chỉ bán được 4,110/7,000 tỷ đồng TPCP chào bán, tương đương 58.7%, thấp hơn nhiều tỷ lệ trúng thầu trong quý 1/2013 (khoảng 90 - 100%). Điều này cho thấy dòng tiền đổ vào trái phiếu đang giảm dần khi lợi suất dự kiến không còn nhiều hấp dẫn. Thực tế này cũng cho kỳ vọng vào khả năng chú trọng hơn đến tăng trưởng tín dụng của các Ngân hàng, khi nhiều giải pháp hỗ trợ tăng trưởng đã được Chính phủ đưa ra.

- Standard Chartered dự báo Việt Nam sẽ giảm 0.5% các lãi suất chủ chốt trong Quý 2/2013, đưa trần lãi suất huy động kỳ hạn dưới 1 năm xuống 7%. Dự báo này là hợp lý trong bối cảnh CPI năm 2013 dự báo dưới 7% và Quý 2 thường là thời điểm thấp nhất của chỉ số CPI. Trước đó Thống đốc NHNN cũng tuyên bố mục tiêu điều hành lãi suất năm 2013 là giảm lãi suất huy động xuống khoảng 7%, lãi suất cho vay xuống 10%, tạo điều kiện hỗ trợ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tính toán hệ số ROIC (Return On Invested Capital - hệ số lợi nhuận trên vốn đầu tư - phản ánh tỷ lệ lợi nhuận doanh nghiệp thu được dựa trên tổng vốn đầu tư) của các doanh nghiệp niêm yết trên hai sàn, ta thấy ROIC có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây, từ 16% trong năm 2009 xuống 9% trong năm 2012. ROIC năm 2012 bằng 9%, thấp hơn mức lãi suất tín dụng phổ biến hiện nay (khoảng 12-15%), cho thấy chi phí vốn vay vẫn đang tạo áp lực đối với doanh nghiệp.

VN-INDEX


Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm mạnh về mức 473.21 điểm, giảm 10.78 điểm tương ứng với mức 2.23% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Sau phiên hồi lại với lực cầu suy yếu ngày hôm qua thì chỉ số VN-Index đã quay đầu tiếp tục giảm điểm trong phiên hôm nay. Khối lượng giao dịch tăng lên cho thấy áp lực cung tăng khi thị trường giảm điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì khả năng chỉ số VN-Index sẽ tiếp tục giảm điểm. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm nhẹ về mức 58.36 điểm, giảm 0.59 điểm tương ứng với mức 1% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideways với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cắt xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index sau khi giảm điểm qua trendline ngắn hạn với mức giảm mạnh đã hồi lại cùng với tín hiệu sụt giảm của lực cầu. Sau phiên hồi này thì thị trường đã giảm điểm trở lại với hai phiên giảm điểm liên tiếp. Khối lượng giao dịch tăng lên cho thấy áp lực cung tăng khi thị trường giảm điểm. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì khả năng chỉ số HNX-Index sẽ tiếp tục giảm điểm. Nhà đầu tư đã thực hiện chiến lược giảm tỷ trọng cổ phiếu về mức an toàn như các khuyến nghị trước đó của chúng tôi tiếp xem xét duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường giảm điểm mạnh trên cả hai sàn với thanh khoản thấp. Lực mua yếu là nguyên nhân khiến thị trường giảm mạnh, khi nhà đầu tư chọn lựa vị thế an toàn trước kỳ nghỉ lễ. Chúng tôi duy trì quan điểm nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Chúng tôi cũng bảo lưu đánh giá nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền, khi thị trường đảo chiều xu hướng.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ suất cổ tức năm 2012 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	1,963	-0.53%	83,689	2,087	20,201	3.49%	8.47%	55.58	7,999	1.36	5.74	4.31%
VIC	1,847	124.93%	153,434	2,041	15,071	3.44%	18.42%	30.38	3,974	0.48	4.11	-5.22%
PVI	389	11.80%	15,243	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.65	3,323	0.54	0.60	-5.95%
BVH	1,431	19.17%	479,396	1,981	17,802	3.00%	11.34%	24.07	3,184	2.10	2.68	-14.29%
HAG	365	-68.73%	795,544	648	18,150	1.23%	3.65%	34.43	2,881	1.61	1.23	-13.84%
GMD	115	1808.36%	672,919	944	40,143	1.52%	2.40%	34.42	2,471	1.60	0.81	25.00%
HPG	1,031	-16.63%	751,047	2,385	19,294	5%	13%	11.24	2,207	1.54	1.39	3.42%
KDC	357	30.45%	60,267	2,241	25,076	6.24%	9.02%	21.77	2,190	0.35	1.95	7.82%
PVD	1,448	35.66%	293,140	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.03	1,382	1.26	1.25	-5.68%
VNM	5,819	37.97%	339,522	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.76	1,277	0.86	6.67	20.19%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	1,963	-0.53%	83,689	2,087	20,201	3.49%	8.47%	55.58	5,967	1.36	5.74	4.31%
VNM	5,819	37.97%	339,522	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.76	5,199	0.86	6.67	20.19%
GAS	10,102	70.84%	815,593	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.72	5,072	0.84	3.87	19.61%
FPT	1,985	18.04%	243,445	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.70	3,181	1.02	1.68	-1.27%
PVD	1,448	35.66%	293,140	6,878	33,216	7.70%	21.94%	6.03	2,043	1.26	1.25	-5.68%
DPM	3,068	-1.17%	555,036	7,984	23,579	30.36%	35.11%	5.49	1,975	1.19	1.86	-2.42%
BVH	1,431	19%	479,396	1,981	17,802	3.00%	11.34%	24.07	1,726	2.10	2.68	-14.29%
PVS	1,263	-11.02%	913,812	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.23	1,568	0.76	0.65	-10.90%
HAG	365	-68.73%	795,544	648	18,150	1.23%	3.65%	34.43	1,497	1.61	1.23	-13.84%
HPG	1,031	-16.63%	751,047	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.24	1,393	1.54	1.39	3.42%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỶ SUẤT CỔ TỨC NĂM 2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Tỷ suất cổ tức
NHS	81	1.52%	38,363	6,179	17,930	10.80%	19.98%	2.09	1	0.18	0.72	46.5%
QST	3	-4.15%	955	1,775	14,061	7.55%	15.10%	5.07	1	-0.57	0.64	35.6%
BCE	52	-9.55%	41,139	1,718	12,465	7.25%	13.75%	4.66	1	0.61	0.64	37.5%
HBD	2	-62.23%	1,067	1,587	13,568	7.09%	10.54%	5.04	0	0.04	0.59	37.5%
CMS	17	40.95%	13,450	6,765	13,591	8.99%	32.02%	1.60	2	0.85	0.79	37.0%
VC5	7	-47.92%	3,350	1,493	19,127	1.05%	7.76%	3.89	6	0.76	0.30	34.5%
VCC	16	26%	17,345	2,697	15,678	3.41%	17.58%	3.78	4	0.95	0.65	35.3%
KKC	9	-33.28%	3,205	1,849	14,870	4.75%	11.05%	5.14	2	0.71	0.64	31.6%
KTS	28	-58.58%	3,923	5,473	32,168	15.47%	23.54%	3.33	0	0.84	0.57	33.0%
SBC	26	1393.09%	9,614	2,304	17,687	4.37%	12.38%	5.03	2	0.02	0.66	34.5%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

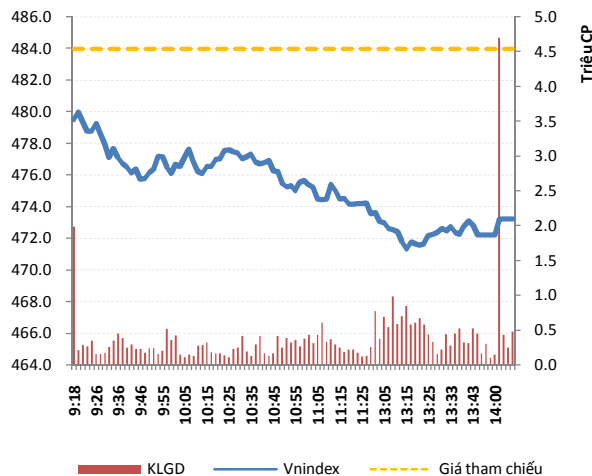
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 18/04/2013.

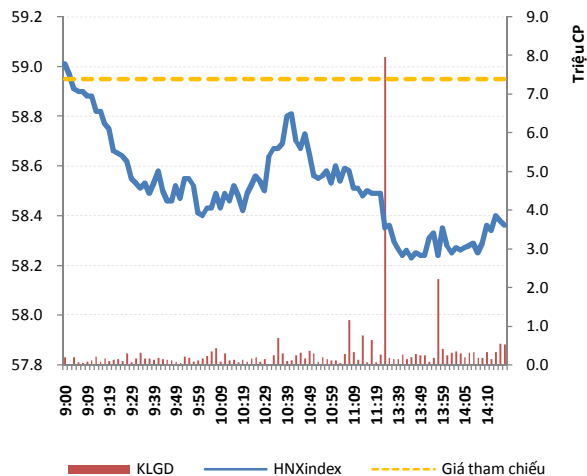


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

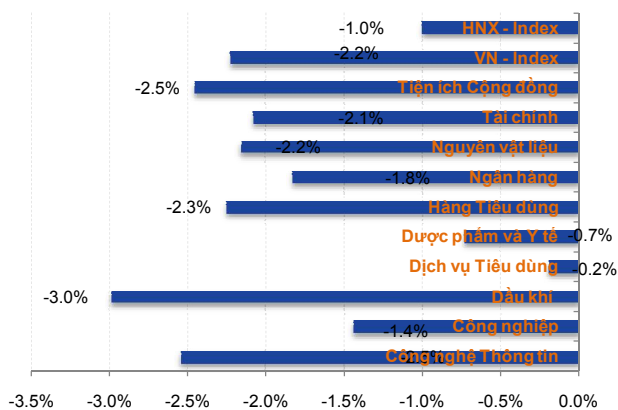
KLGD và VN-Index trong phiên



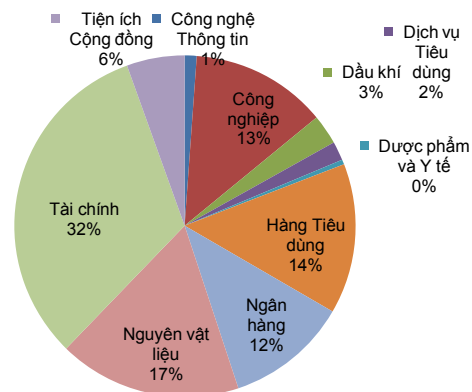
KLGD và HNX-Index trong phiên



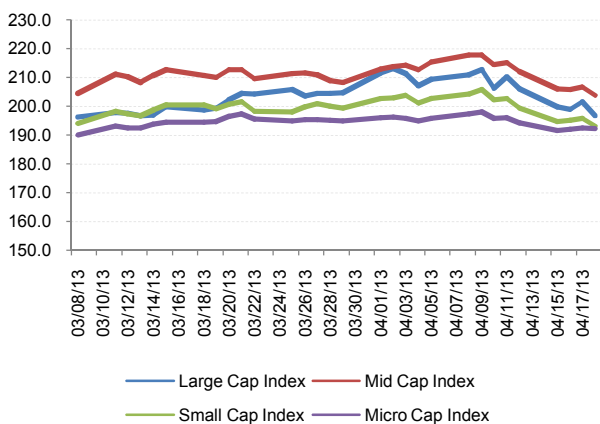
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



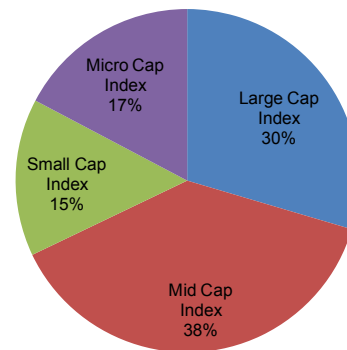
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	BMI	236,060	ITA	534,610
2	PET	163,700	VIC	418,620
3	PHR	157,710	DPM	418,020
4	KDH	156,890	PVF	384,780
5	SBT	124,580	IJC	325,040

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHB	119,500	SCR	74,000
2	PGS	116,200	SDP	38,400
3	HDO	99,700	SHN	34,000
4	DXP	85,700	SHS	24,000
5	VND	85,000	VCG	23,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.1	5.9	↓ -3.28%	1,584,390
CTG	18.7	18.4	↓ -1.60%	1,372,850
KBC	6.5	6.3	↓ -3.08%	1,242,870
IJC	9.2	8.7	↓ -5.43%	1,211,450
HAG	22.3	22.1	↓ -0.90%	1,047,380

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.6	6.5	↓ -1.52%	5,856,353
SCR	6.9	6.6	↓ -4.35%	4,169,030
APG	3.0	3.1	↑ 3.33%	1,997,100
PVX	4.5	4.3	↓ -4.44%	1,744,650
SHS	6.3	6.3	→ 0.00%	1,379,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
VSG	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
TMS	20.3	21.7	1.4	↑ 6.90%
VFG	43.9	46.9	3.0	↑ 6.83%
SRF	30.8	32.9	2.1	↑ 6.82%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	23.2	25.5	2.3	↑ 9.91%
HST	6.2	6.8	0.6	↑ 9.68%
TV2	12.6	13.8	1.2	↑ 9.52%
NGC	9.5	10.4	0.9	↑ 9.47%
KBT	15.1	16.5	1.4	↑ 9.27%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVN	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
DHC	7.3	6.8	-0.5	↓ -6.85%
LGC	17.6	16.4	-1.2	↓ -6.82%
PVF	9.0	8.4	-0.6	↓ -6.67%
VLF	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
SD8	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
THV	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
ARM	23.0	20.7	-2.3	↓ -10.00%
ILC	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	1,584,390	0.6%	72	82.3	0.4
CTG	1,372,850	19.8%	2,342	7.9	1.4
KBC	1,242,870	-10.4%	(1,503)	-	0.5
IJC	1,211,450	6.0%	670	13.0	0.8
HAG	1,047,380	3.7%	647	34.2	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	5,856,353	22.0%	2,761	2.4	0.6
SCR	4,169,030	4.0%	622	10.6	0.4
APG	1,997,100	0.7%	51	60.5	0.4
PVX	1,744,650	-47.8%	(3,714)	-	0.6
SHS	1,379,400	-0.1%	(10)	-	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 14.3%	-18.8%	(1,800)	(0.4)	0.1
VSG	↑ 12.5%	-1082.5%	(5,318)	(0.2)	(0.6)
TMS	↑ 6.9%	15.9%	3,872	5.6	0.9
VFG	↑ 6.8%	17.1%	7,023	6.7	1.1
SRF	↑ 6.8%	12.7%	5,347	6.2	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CAN	↑ 9.9%	10.3%	2,151	11.9	1.2
HST	↑ 9.7%	10.4%	1,097	6.2	0.6
TV2	↑ 9.5%	19.5%	3,577	3.9	0.7
NGC	↑ 9.5%	12.7%	1,617	6.4	0.8
KBT	↑ 9.3%	14.2%	1,961	8.4	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
BMI	236,060	3.9%	1,146	13.1	0.5
PET	163,700	15.3%	2,709	6.2	0.9
PHR	157,710	31.8%	7,587	4.3	1.3
KDH	156,890	-4.8%	(1,182)	-	0.3
SBT	124,580	21.2%	2,854	5.3	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	119,500	22.0%	2,761	2.4	0.6
PGS	116,200	19.5%	3,981	4.4	0.8
HDO	99,700	0.3%	39	131.1	0.5
DXP	85,700	38.0%	9,957	6.3	2.2
VND	85,000	6.8%	758	11.3	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	102,524	41.6%	6,981	17.6	6.6
GAS	102,330	38.7%	5,175	10.4	3.8
MSN	75,601	8.5%	2,087	52.7	5.4
VCB	63,265	12.5%	2,236	12.2	1.5
VIC	57,081	18.4%	2,041	30.1	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,816	6.4%	834	19.0	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	6,030	18.4%	3,211	4.2	0.6
SHB	5,760	22.0%	2,761	2.4	0.6
VCG	4,373	2.0%	291	34.0	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BVH	2.20	11.3%	1,981	22.7	2.5
KBC	2.15	-10.4%	(1,503)	-	0.5
ITA	2.02	0.6%	72	82.3	0.4
OGC	1.98	2.5%	278	38.5	1.0
HSG	1.96	20.1%	4,027	8.8	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	3.28	2.0%	291	34.0	0.8
PSG	2.99	-176.9%	(7,179)	-	1.7
SCR	2.97	4.0%	622	10.6	0.4
S96	2.96	-6.0%	(462)	-	0.3
ORS	2.86	-0.3%	(24)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)